

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
国内受賞作品								
1/A	Phạm Hồ	Chú bò tìm bạn	友達を探す牛	ハノイ	NXB Kim Đồng	1957	作者はベトナム国家賞受賞者。子ども向けの作品を数多く残した、60年代から70年代のベトナム児童文学を代表する作家のひとり。子どもたちの友情、昔話に題材をとった詩や小説を手がけた。	詩集
2/A	Phạm Hồ	Chú vịt Bông	アヒルのボン				本作品は1957-1958ベトナム作家協会主催児童文学創作運動A賞受賞	詩集
3/A	Phạm Hồ	Những người bạn im lặng	もの言わぬ友達	ハノイ	NXB Kim Đồng		1967-1968ベトナム作家協会主催児童文学創作運動A賞受賞	詩集。ほうきや物干しざお、ベンチ、郵便受けなど、「もの言わぬ友達」について詠った詩。
4/A	Phạm Hồ	Nàng tiên nhỏ thành ốc	蝸牛になった小さな天女	ハノイ	NXB Kim Đồng	1993	1985ベトナム作家協会主催子どものための詩コンテスト正式賞	脚本
5	Trần Hoài Dương	Cuộc phiêu lưu của những con chữ	文字の冒険				1986ベトナム舞台芸術家協会主催子どものための脚本コンテストで受賞	物語
6	Trần Hoài Dương	Một thoáng heo may phương Nam	南部の季節風				1968作家協会賞	物語
7/A	Trần Hoài Dương	Miền xanh thắm	緑のじゅうたん	ハノイ	NXB Kim Đồng	2000	1994作家協会賞二等賞	物語
8/A	Trần Nhuận Minh	Trước mùa mưa bão	嵐の季節の前に	ハノイ	NXB Kim Đồng	1995	作者は抗米期を代表する児童文学者のひとり。本作は2001作家協会主催子どものための創作運動B賞	作者の自伝的小説。抗米期、田舎に疎開した少年が困難を乗り越えて成長していく姿を描く。
9/A	Trần Nhuận Minh	Hòn đảo phía chân trời	地平線の島		NXB Kim Dong		2000キムドン出版社賞	物語
10	Hoàng Bình Trọng	Quanh chỗ anh nằm	あなたが横たわる場所の周囲に		NXB Kim Dong			
11	Hoàng Bình Trọng	Những tấm lòng yêu thương	愛する心				1982作家協会児童文学賞二等賞	物語
12/A	Thanh Hào	Bóng mây	雲の影				1980児童文学賞C賞	詩
13	Lê Văn	Dương Văn Nội	ズオン・ヴァン・ノイ	ハノイ	NXB Hà Nội	1981	1981作家協会児童文学賞二等賞	ベトナムの独立を守るため、フランスとの戦いに立ちあがった英雄ズオン・ヴァン・ノイの物語
14/A	Lê Văn	Hưng Đạo Vương về kinh	フン・ダオ王、都に帰る		NXB Kim Dong	1983	1982ホーチミン市文芸家協会児童文学賞三等賞	物語
15/A	Lê Văn	Vua Minh Tông và người thầy học cũ	ミン・トン王といにしえの師				1981作家協会児童文学賞三等賞	物語
16/A	Sơn Tùng	Búp sen xanh	青い蓮のつぼみ	ハノイ	NXB Kim Đồng	1982	1982小児のための創作運動特別賞	ホーチミンの幼少時代を描いた小説。ホーの人間像と彼が生きた時代の空気を生き生きと伝える作品。
17	Lưu Văn Khuê	Hành trình màu da cam	オレンジ色の旅		NXB Kim Đồng	1981	1982作家協会賞	物語
18/A	Xuân Quỳnh	Bầu trời trong quả trứng	卵の中の空	ハノイ	NXB Kim Đồng	1982	子どもをとりまく日常を材にとり、温かく透明感のある作風で評価されている女性詩人・作家。1981-1983作家協会児童文学賞	詩
19	Đặng Ái	Có một mùa hè	ある夏の日				1981-1983作家協会児童文学賞佳作	物語
20	Hoài Anh	Đuốc lá dừa	椰子の葉のたいまつ	ホーチミン	Nxb Tre	1994	1981-1983作家協会児童文学賞佳作	物語
21/A	Thanh Quế	Cát cháy	燃える砂	ハノイ	NXB Kim Đồng	1982		ベトナム戦争の激戦地、ダナンの少年ゲリラの勇敢で機智に富んだ活動を描いた小説。
22	Lý Lan	Ngôi Nhà Trong Cỏ	草の中の家	Westminster : Calif.	Văn Nghệ	2009	1984作家協会児童文学賞	物語
23/A	Đình Hải	Bài ca trái đất	大地の歌	ハノイ	NXB Kim Đồng	1983	1985作家協会児童文学賞	詩

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
24/A	Nguyễn Quang Thân	Chú bé có tài mở khóa	鍵を開ける才能のある子ども	ハノイ	NXB Kim Đồng	1995	再版6回。1995作家協会児童文学賞	社会から落ちこぼれた少年。どんな錠前でも開ける不思議な力を有する鍵をもつ彼は、その万能の鍵の力を借りて社会のさまざまな悪や貧困と直面しながら生きていく。
25/A	Nguyễn Quang Sáng	Dòng sông thơ ấu	幼い日の川の流れ	ハノイ	NXB Kim Đồng	1985	作者はホーチミン賞受賞者。大人の文学でも、抒情的で詩的な作風が高く評価されている。本作は1986作家協会児童文学賞A賞	ベトナム南西部を舞台とする作者の自伝的小説。メコンデルタの風景や風俗・習慣が読者の心にしみる。
26/A	Duy Khánh	Tuổi thơ im lặng	穏やかな少年時代	ハノイ	NXB Kim Đồng	1986	1986作家協会児童文学賞A賞	作者の自伝的小説。北部農村の庶民的で温かい人情が描かれる。
27	Lưu Nghị	Hoa ngãi bảy	ガーバイの花				1986作家協会児童文学賞B賞	思春期を迎えた子どもたちを描いた物語
28	Minh Khoa	Trên lưng ngựa (全2巻)	馬の背の上で	ホーチミン	Nxb Tre	1994	1986作家協会児童文学賞B賞	物語
29/A	Vũ Thư Hiên	Miền thơ ấu	幼い日の土地	Westminster : Calif.	Văn Nghệ	1998	1987作家協会児童文学賞A賞	物語
30	Hoàng Tá	Chiều nhẹ cánh cò	サギの羽根に乗って				1987作家協会児童文学賞	
31	Hoàng Tá	Cái sân biết đi	歩く庭				1994作家協会児童文学賞A賞	
32/A	Nguyễn Quỳnh	Người đi săn và con sói lửa	猟師と炎の狼				1987作家協会児童文学賞A賞	物語
33/A	Nguyễn Quỳnh	Con báo vàng	金色の狐	ハノイ	NXB Kim Đồng	1993	1992作家協会児童文学賞A賞	物語
34/A	Phùng Quán	Tuổi thơ dữ dội	激動の幼年時代	ハノイ	NXB Kim Đồng	1987	1987作家協会児童文学賞A賞	少年時代を戦火の中ですごした作者の自伝的小説。
35	Lê Hồng Thiện	Trăng của mỗi người	ひとりひとりの月				1987作家協会児童文学賞A賞	詩
36/A	Nghiêm Đa Văn	Sừng rượu thề	誓いの酒	ハノイ	NXB Kim Đồng	1987	1987作家協会児童文学賞B賞。2002年再版	歴史物語。李朝最後の王没後の朝廷内の内紛を描く。
37	Nguyễn Nhật Ánh	Chú bé rắc rối	厄介な少年	ハノイ	NXB Kim Đồng	1988	1990ホーチミン共産青年同盟中央主催子ども文学賞A賞	学校を舞台にした物語。先生からいたずらっ子アンのお目付け役をいつかつた優等生ギーも、アンの勢いにつられて遊びの世界にはまってしまう。
38/A	Nguyễn Nhật Ánh	Kính vạn hoa	万華鏡(全45巻)		NXB Kim Đồng	1995-2002	作者は、読者アンケートにより1995年に過去20年間でホーチミン共産青年同盟ならびに同盟機関紙「若人」の全分野でもっとも代表的な若手文化人の一人に、またホーチミン市作家協会から過去20年間(1975-95)でもっとも代表的作家に選出。キムドン出版社からは、もっとも人気ある作家に選出。ホーチミン共産青年同盟は「若い世代のために」尽くしたことを称える勲章を授与。なお本作は2003作家協会児童文学賞	ホーチミン市の少年・少女の日常生活を生き生きと描いた作者の代表作。
39	Nguyễn Hoàng Sơn	Sự tích rước đèn trung thu	中秋節の提灯の起源				1989作家協会児童文学賞B賞	詩で構成された物語
40/A	Nguyễn Hoàng Sơn	Sự tích rước đèn trung thu	中秋節の提灯の起源			1990	1990作家協会児童文学賞B賞	詩
41	Kiều Thị Kim Loan	Chú bé nắm rơm	ナムゾム(キノコの名)坊や	ホーチミン	Nxb Tre	1994	1994作家協会児童文学賞	詩
42	Kiều Thị Kim Loan	Viên ngọc thần kì	不思議な玉		NXB Kim Đồng		1998キムドン出版社賞	
43	Lê ngọc Minh	Mái nhà xưa	昔の家		NXB Kim Đồng	2002	1993-1995キムドン出版社賞	物語
44	Phạm Ngọc Tiến	Đợi mặt trời	太陽を待って		NXB Kim Đồng	2002	1993-95キムドン出版社賞	物語

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
45	Phùng ngọc Hùng	Bé Hương và mèo con	フオンちゃんの子猫				1989作家協会児童文学賞B賞	詩
46/A	Dương Thuần	Cười ngựa đi săn	馬に乗って狩りに行く	ハノイ	Văn hoá dân tộc	1991	1992作家協会児童文学賞A賞	詩
47/A	Mai Văn Hai	Bờ ve ran	セミの音が響く川辺				1992作家協会児童文学賞B賞	詩
48/A	Vũ Đức Nguyên	Khát vọng sống	生への渴望				1992作家協会児童文学賞B賞	物語
49/A	Nguyễn Hoàng Sơn	Đất mùa thu vào phố	街に秋を連れてこよう		NXB Kim Đồng	1996	1993作家協会児童文学賞A賞	詩
50	Viết Linh	Mái trường xưa	昔の学校		NXB Kim Đồng	1993	1992作家協会児童文学賞B賞	物語
51	Nguyễn Thị Bích Nga	Chuyện cổ tích của vườn	庭の昔話	ホーチミン	NXB Trẻ	1993	「国の将来を担う児童文学賞」A賞	物語
52/A	Nguyễn Thị Bích Nga	Nhạc giữa trời	空の歌		NXB Kim Đồng	1994	1995キムドン出版社賞A賞	物語
53	Nguyễn Thị Bích Nga	Thầy lang hai mặt	二つの顔をもつ漢方医				2006-10ベトナム-デンマーク両作家協会主催児童文学援助プログラム散文部門一等賞	物語
54/A	Trần Thanh ịch	Một cần câu	一本の釣りざお	ハノイ	NXB Kim Đồng	1992	再版10回。1993作家協会児童文学賞A賞	登場人物が釣りに行くだけのシンプルな物語だが、釣りの奥義がふんだんに盛り込まれ、読者はそこに描かれた祖国の自然の雄大さにひきこまれる。
55/A	Bùi Cát Vũ	Gió bụi Sài Gòn	サイゴンの埃っぽい風		NXB Trẻ	1993	1993作家協会児童文学賞B賞	物語
56	Thu Trân	Đường bong bóng bay	風船の飛ぶ道		NXB Trẻ	1993	1993作家協会児童賞B賞	物語
57/A	Trần Thiên Hương	Bây giờ bạn ở đâu	君は今どこに				1993作家協会児童文学賞B賞	物語
58	Nguyễn Ngọc Oánh	Hương ổi	グアバの香り				1994作家協会児童文学賞三等賞	詩
59	Nguyễn Ngọc Oánh	Chú bé đặng trí	落ち着きのない子ども		NXB Kim Đồng		2001-02キムドン出版社賞	詩
60	Thùy An	Mẹ và con	母と子				1993「先鋒」紙主催子ども作品賞	物語
61	Thùy An	Người bạn trong ống nghiệm	試験管の中の友達		NXB Kim Đồng	1998	1996-97キムドン出版社賞	物語
62	Thùy An	Mây mùa hạ	夏の雲		NXB Kim Đồng	2000	2001キムドン出版社賞	物語
63	Ngô Quang Miện	Chú bé nhặt bông gạo	稲の花を拾う子ども		NXB Kim Đồng	1994	1994作家協会児童文学賞C賞	物語
64/A	Phan Thị Thanh Nhân	Bỏ trốn	家出		NXB Kim Đồng	2002	作者はベトナム国家賞受賞者。1995キムドン出版社賞A賞	母親を交通事故で亡くした少女。彼女は伯父の家の世話になるが、伯父の妻からひどい仕打ちを受けて家出する。現代ベトナムの子どもをとりまくさまざまな社会問題がこの一編に詰まっている。
65	Hoàng Dạ Thi	Pê lê trắng	白いペレ				1995ベトナム文学芸術家協会連合会賞	お転婆でサッカー好きな少女。サッカー選手のペレの大ファンなので、友達は彼女を「白いペレ」と呼ぶ。
66	Trần Quốc Toàn	Viết đơn lên cát trắng	白い砂に書いた訴状				1995作家協会児童文学賞	詩
67/A	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Năm đêm với bé Su	スー坊やとの五日間	ハノイ	NXB Kim Đồng	1996	1996キムドン出版社賞A賞	家族内部の不和をテーマとした物語

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
68/A	Vi Hồng	Đường về với mẹ Chữ	文字の母のもとに帰る道		NXB Kim Đồng	1996	1996-97キムドン出版社賞A賞	ベトナム北部山岳地帯の貧しい少数民族の少年が、遠く離れた高校に通う困難を描いた物語。彼らにとって物質的、精神的価値をもたらしてくれるものは「母」と呼ばれるため、タイトルの「文字の母」とは「学校」を指している。
69	Nguyễn Quang Thiệu	Bí mật hồ cá thần	神魚湖の秘密		NXB Kim Đồng	2006	1996-97キムドン出版社賞B賞	物語
70/A	Bùi Chí Vinh	Năm Sài Gòn	サイゴンの年(全40巻)		NXB Kim Đồng		1998キムドン出版社賞特別賞	物語
71/A	Kao Sơn	Khúc đồng dao lấm láp	土にまみれたわらべ唄		NXB Kim Đồng	2001	1999-2000キムドン出版社賞	物語
72	Bùi Tự Lực	Nội tôi	私の祖父		NXB Kim Đồng	2002	1999-2000キムドン出版社賞	物語
73	Nguyễn Bùi Vợi	Trạng Diều	状元ジュウ		NXB Kim Đồng		2000キムドン出版社賞一等賞	詩。状元とは、近代以前の王朝時代、科挙試験で合格した人の学位。知恵のある人間の意味。
74/A	Nguyễn Ngọc Thuần	Giăng giăng tơ nhện	蜘蛛の巣		NXB Trẻ	2000	作者は1972年生まれ若手作家。斬新な作風で、早くから読者の注目を浴びる。今世紀以後、もっとも期待されている児童文学作家のひとり。なお本作は2000年度20代文学賞三等賞	物語
75/A	Nguyễn Ngọc Thuần	Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ	瞳を閉じて窓を開けよう	ホーチミン	NXB Trẻ		2002ホーチミン市・NXB Trẻ共催第三回「国の将来を担う」創作コンテストA賞	物語
76/A	Nguyễn Ngọc Thuần	Một thiên năm mộng	夢の天地		NXB Kim Đồng		2004キムドン出版社賞一等賞	物語
77/A	Nguyễn Ngọc Thuần	Trên đồi cao chẵn bầy thiên sứ	天使を飼う高い丘	ホーチミン	NXB Thanh niên	2005	2004青年出版社・「文芸」紙共催 子どものための文学コンテストB賞	物語
78	Bút ngữ	Cụ Bảng Đôn	バーン・ドン老人				2001作家協会児童文学賞	物語
79	Bút ngữ	Cuộc chiến đấu đêm khuya	深夜の闘い				2002作家協会児童文学賞	物語
80/A	Hoàng Phương Nam	Miền cổ tích	昔話の土地		NXB Kim Đồng		2003キムドン出版社賞C賞	物語
81/A	Nguyễn Thị Mai	Vàng trắng trước nhà	家の前の月				2004作家協会児童文学賞	詩
82/A	Vũ Đức Nguyên	Tuổi thơ khát vọng	渴望する幼い日		NXB Kim Đồng	1993	2004作家協会児童文学賞	物語
83/A	Đạ Ngân	Miếng vườn xa lắm	はるか彼方の庭				2004作家協会児童文学賞	物語
国外賞受賞作								
84/A	Phan Thị Vàng Anh	Mèo con đi học	子猫、学校に行く				1979ユネスコ賞	詩
前出	Nguyễn Ngọc Thuần	Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ	瞳を閉じて窓を開けよう				2008スウェーデン、ピーターバン児童文学賞(ピーターバン賞は2000年にスウェーデンで創設。世界のすぐれた児童文学に与えられる)	No.75参照。
その他の代表作								
85/A	Tô Hoài	Dế mèn phiêu lưu ký	コオロギ漂流記		NXB Kim Đồng	2007	ホーチミン賞受賞者によるベトナム児童文学を代表する古典的名作	コオロギが人間界や動物界を漂流・冒険する物語を通して、幼い読者の見識を広げると同時に、フランス植民地体制下の貧しく息苦しい社会を活写。出版後、国内では何度も版を重ね、ロシア語、チェコ語、ドイツ語、ルーマニア語、ブルガリア語、ハンガリー語、モンゴル語、ビルマ語、韓国語、タイ語、フランス語等に翻訳されている。
86/A	Tô Hoài	Cỏ dại	雑草		Ho`i nha` văn	1997		作者が少年時代をすごしたハノイ郊外の村を舞台とする自伝的物語。
87	Tô Hoài	Đàn chim gáy	チムガイ琴			1964		抗仏戦後のベトナム北部における新体制下の人々の暮らしを描いた動物を登場人物とした物語

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
88/A	Tô Hoài	Đảo hoang	無人島		NXB Kim Đồng	1976		昔話「すいか」を子ども向けに書きなおした読み物。古代ベトナムの風俗・習慣や、都を流れる紅河で行われた勇壮なボートレースの様子が生き生きと描かれている。
89/A	Tô Hoài	Chuyện nỏ thần	神の弩		NXB Kim Đồng	2000		昔話「安陽王」を子ども向けに書きなおした読み物。「無人島」同様、古代ベトナム・アウラク国の文化、生活とともに、象狩り、祭りに向けた武道の稽古、城の建造、弩の鑄造・・・等、人々の労働の様子が生き生きと描かれている。
90/A	Tô Hoài	Nhà Chử	チュウの家		NXB Kim Đồng	1985		昔話「チュウ・ドン・トゥー」を子ども向けに書きなおした読み物。貧しい若者チュウと雄王の娘ティエン・ズンとの悲恋物語。
91/A	Tô Hoài	Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi	子どものための物語集(全2巻)			1994		物語
92	Mạnh Phú Tư	Sống nhờ	居候	ハノイ	Văn Học	1983		
93/A	Nguyễn Hồng	Những ngày thơ ấu	幼い日々		Văn nghe	1999		家庭環境に恵まれなかった作者自身の少年時代を描いた自伝的物語。
94	Nguyễn Hồng	Một tuổi thơ văn	詩文に親しんだ日々		NXB Kim Đồng	1973		不幸な少年時代をすごした作者が、文学に親しみ、作家になっていくまでを描く。
95/A	Hồ Dzếnh	Chân trời cũ	古き地平線		NXB Kim Đồng	2006		
96/A	Đoàn Giỏi	Đất rừng phương Nam	南部の森		NXB Kim Đồng	1957	ベトナム国家賞受賞。抗米期におけるベトナム南部を代表する作家。	抗仏戦初期、疎開の途中で母親とはぐれた主人公の少年が、蛇売りの老人の養子になり、ベトナム南西部の森を養父とともに渡り歩く。南部のジャングルの自然描写や風変わりな習慣、仕事が読者に高く評価され、映画化もされた。
97	Đoàn Giỏi	Người thợ máy Tôn Đức Thắng	機械工トン・ドゥック・タン					元国家主席トン・ドゥック・タンがサイゴンの造船所で機械工をしていた頃の話。
98	Đoàn Giỏi	Cuộc truy tìm kho vũ khí	武器庫を探して	ハノイ	NXB Kim Đồng	1962		
99/A	Bắc Thôn	Hai làng Tà phình và Động Hía	ターフィン村とドンヒア村	ハノイ	NXB Kim Đồng	1958		抗仏戦のさなか、北部山岳地帯で積年の対立を繰り返す二つの村。革命幹部の助けでその対立を解消し、団結してフランスとの戦いに打ち勝つ。実話にもとづく物語。
100	Phạm Hồ	Những người bạn nhỏ	小さな友人たち	ハノイ	NXB Kim Đồng			詩
101	Phạm Hồ	Bạn trong vườn	庭の中の友達	ハノイ	NXB Kim Đồng			詩
102/A	Phạm Hồ	Chuyện hoa chuyện quả	花の話、果物の話(全5巻)	ハノイ	NXB Phụ Nữ	1974-2000		昔話にもとづいて、ベトナム人の生活に身近な花や果物の起源について書いた本。全50話より成る。それを通して、作者はベトナム人の気高い人格ややさしい感情を称賛している。
103/A	Nguyễn Huy Tưởng	An Dương Vương xây thành ốc	安陽王 蝸牛城を造る	ハノイ	NXB Kim Đồng	1957	作者はホーチミン賞受賞者。抗仏期、トー・ホアイとともに児童文学の確立に尽力。キムドン出版社の創立を担った。歴史ものを得意とする。	昔話風の語り口で、古代ベトナム、アウラク国の安陽王が蝸牛の形の城を建造する過程を描いた物語。この物語を通じて、作者はベトナム人の祖先の愛国心がいかに強かったかを示そうとしている。
104/A	Nguyễn Huy Tưởng	Tìm mẹ	母をさがして	ハノイ	NXB Kim Đồng	1957		北部山岳地帯の昔話にもとづく物語。貧しい母親は、将来二人の子どもが米や家をもてるように「米」「家」という名前をつける。二人は力を合わせて行方不明の母をさがし、母を苦しめた村長を懲らしめ、米と家も手に入れる。
105	Nguyễn Huy Tưởng	Con cóc là cậu ông trời	カエルは天の使い	ハノイ	NXB Kim Đồng	1957		昔話「カエル、天を訴える」を下敷きに、飢饉の年、動物たちが団結して天の神様に雨を降らせてくれるよう直訴する話。
106	Nguyễn Huy Tưởng	Hai bàn tay chiến sĩ	戦士の両手	ハノイ	NXB Kim Đồng	1958		勇敢な心と聡明さでフランスの侵略に立ち向かう英雄ルックの物語

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
107/A	Nguyễn Huy Tưởng	Lá cờ thêu sáu chữ vàng	六つの金文字を刺繍した旗	ハノイ	NXB Kim Đồng	1961		歴史上の英雄チャン・クオック・トアンの物語。陳朝の時代、まだ少年だったトアンは、故郷の青少年を集めて義勇軍を結成し、「破強敵 保皇安」の六文字を刺繍した旗を掲げて進軍した。
108/A	Nguyễn Huy Tưởng	Kể chuyện Quang Trung	光中帝の話	ハノイ	NXB Kim Đồng	1961		民族英雄、光中帝の物語。中国・清の20万の大軍を迎え討ち、歴史的な大勝をおさめて西山朝を創立する。
109/A	Nguyễn Huy Tưởng	Gửi lời chào lớp Một	一年生にさようなら					作者の唯一の詩であるが、ベトナムの子どもたちにとっては、一年生の教科書の最後に印刷されているため、なじみ深い作品。使い慣れた教室や黒板とお別れする時の名残おいしい心情が表現されている。
110	Võ Quảng	Gà mái hoa	メンドリ	ハノイ	NXB Kim Đồng	1957	ベトナム国家賞受賞者。	詩
111	Võ Quảng	Thấy cái hoa nở	花が咲く時	ハノイ	NXB Kim Đồng	1958		詩
112	Võ Quảng	Nắng sớm	朝の日差し	ハノイ	NXB Kim Đồng	1965		
113	Võ Quảng	Những chiếc áo ấm	暖かい服	ハノイ	NXB Kim Đồng	1970		動物を登場人物とする物語を通して、互いにいたわりあい、団結して事にあたることの重要性を説いた話。
114/A	Võ Quảng	Quê nội	父の故郷	ハノイ	NXB Kim Đồng	1973		全2巻。8月革命前のホアフオック村の人々の貧しい生活と、革命後の変化を描いた小説。
115	Võ Quảng	Bài học tốt	よい教訓	ハノイ	NXB Kim Đồng	1975		動物たちの習性や特徴を語ることを通じて、子どもたちにより教訓となる話を集めた本
116/A	Võ Quảng	Tảng sáng	黎明の時	ハノイ	NXB Kim Đồng	1976		全2巻。8月革命後の父の故郷の変化と、フランス侵略軍が再来してふたたびきな臭い雰囲気にもまれていくまでを描いた小説。
117	Đào Vũ	Trăng rơi xuống giếng	井戸に落ちた月	ハノイ	NXB Kim Đồng	1961		動物もの。月が井戸に落ちるのを見つけた子どもたち。落ちた月をなんとかすくい上げようとするが、できない。やがてそれは水に映った影にすぎず、月は相変わらず空にあることを発見する
118/A	Nguyễn Đình Thi	Cái tết của mèo con	子猫のテト	ハノイ	NXB Kim Đồng	1961		テト(ベトナムの旧正月)での子猫のよい行いを描く話。
119	Thanh Hào	Đèn kéo quân	軍を率いるカンテラ	ハノイ	NXB Kim Đồng	1961		詩
120	Thanh Hào	Vườn nhỏ	小さな庭	ハノイ	NXB Kim Đồng	1997		
121/A	Thanh Hào	Bánh trái quê nhà	故郷のバインチャイ	ハノイ	NXB Kim Đồng	2000		ベトナムの田舎の食べ物にかかわる小さなエピソード
122/A	Thanh Hào	Bóng mây	雲の影	ハノイ	NXB Kim Đồng	1978		詩
123	Trần Hoài Dương	Em bé và bông hồng	幼子とバラ	ハノイ	NXB Kim Đồng	1963		物語
124	Trần Hoài Dương	Cây lá đỏ	赤い葉をつける木	ハノイ	NXB Kim Đồng	1971		日常よく見かける木々についての小さなエピソード
125	Trần Hoài Dương	Cô bé mảnh khảnh	やせっぽちの少女	ハノイ	NXB Kim Đồng	1996		
126/A	Trần Hoài Dương	Cỏ hoa thì thầm	ささやく草花	ハノイ	NXB Kim Đồng	1999		
127	Bùi Hiển	Ngày công đầu tiên của cu Tí	ティー坊やがはじめて仕事に出た日	ハノイ	NXB Kim Đồng	1964		ベトナム北部農村で合作社設立運動が発展した時代、幼いティー坊やも大人にまじって仕事に出る。
128/A	Xuân Sách	Đội du kích thiếu niên Đình Bản	ディンバン村の少年ゲリラ隊	ハノイ	NXB Kim Đồng	1971		抗仏期、ディンバン村に実在した少年ゲリラ隊の秘密活動を描いた話。
129/A	Xuân Sách	Mặt trời quê hương	故郷の太陽	ハノイ	NXB Kim Đồng	1977		抗仏期、敵につかまって拷問されても、断固としららのて意志を貫き通した実在の少年ゲリラ、ファム・ゴック・ダーをモデルにした小説。ダーは敵に手足を切断され、腹を裂かれて故郷の太陽の下に野ざらしにされた。

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
130/A	Nguyễn Thi	Người mẹ cảm súng	銃をとる母	ハノイ	NXB Kim Đồng	1965		アメリカとのゲリラ戦に参加し、後に英雄の称号を与えられた実在の女性、グエン・ティ・ウツの物語。
131	Nguyễn Thi	Mẹ vắng nhà	母さんはお留守	ハノイ	NXB Kim Đồng	1971	岩崎ちひろの絵入りの邦訳本あり。	母親がアメリカとの戦いに安心して携われるよう、8歳の子どもを先頭に互いに助け合って生きる姿を描いた話。
132/A	Nguyễn Thi	Chuyện xóm tôi	私の村の話	ハノイ	NXB Kim Đồng	1972		ベトナム南西部の小さな村の素朴な暮らしや人々の人情に溢れた付き合いを描いた話。
133	Vũ Tú Nam	Cuộc phiêu lưu của Văn ngạn tướng công	ヴァンガン宰相の漂流	ハノイ	NXB Kim Đồng	1963	ベトナム国家賞受賞者	動物もの
134	Vũ Tú Nam	Cây gạo	ガオの木	ハノイ	NXB Kim Đồng	1987		子どもたちの日常の風景や生活を描いた短編集
135	Hà Ân	Tướng quân Nguyễn Chích	グエン・チック將軍	ハノイ	NXB Kim Đồng	1962		中国・明の侵略と戦ったレ・ロイ大将の部下、グエン・チックの物語。チャン・クオック・トアンに憧れ、幼い頃から文武に励み、故郷で青少年義勇軍を結成。後にレ・ロイの下で明を撃破する。
136/A	Hà Ân	Bên bờ thiên mạc	ティエンマックの川辺で	ハノイ	NXB Kim Đồng	1967		元寇の際のティエンマック川合戦での元軍との熾烈な戦いとベトナム軍内部の人間模様を描いた話。
137/A	Hà Ân	Trên sông truyền hịch	檄の飛ぶ川	ハノイ	NXB Kim Đồng	1973		
138/A	Hà Ân	Trăng nước Chương Dương	チュオンズオン川に映る月	ハノイ	NXB Kim Đồng	1975		
139	Hà Ân	Lưỡi gươm nhân ái	仁愛の剣	ハノイ	NXB Kim Đồng	1979		数日で中国・清の侵略を撃破したグエン・フエ軍の神業的戦いを描く。
140/A	Huy Cận	Hai bàn tay em	君の両手	ハノイ	NXB Kim Đồng	1967	ホーチミン賞受賞者	詩
141/A	Trần Đăng Khoa	Góc sân và khoảng trời	庭の隅と空	ハノイ	NXB Kim Đồng	1968	ベトナム国家賞受賞者。1966年、8歳の時に作った本作が高く評価され、「詩の神童」と呼ばれる。	詩
142	Tú Mỡ	Ông và cháu	祖父と孫	ハノイ	NXB Kim Đồng	1970		詩
143	Đình Hải	Hươu cao cổ	首の長い鹿	ハノイ	NXB Kim Đồng	1975		詩
144	Đình Hải	Chồng nọ chồng kia	チョンヌ、チョンホア	ハノイ	NXB Kim Đồng	1970		詩。タイトルの「チョンヌ、チョンホア」は伝統的な子どもの遊び。
145/A	Lê Phương Liên	Những tia nắng đầu tiên	新しい光	ハノイ	NXB Kim Đồng	1971		作者が19歳、ハノイ師範大学生の時の作品。60年代から70年代の社会主義時代の大学生生活を忠実に描く。
146/A	Lê Phương Liên	Khi mùa xuân đến	春が来た時	ハノイ	NXB Kim Đồng	1973		アメリカとの戦争中、ハノイの生徒たちが疎開先ですごした思い出。生徒たちのもっと勉強したいという渴望が描かれる。
147	Lê Phương Liên	Hoa dại	野の花	ハノイ	NXB Kim Đồng	1995		戦後生まれの子どもたちを描く。ベトナムの社会は戦争が終わってもよいことばかりではなく、生活の貧しさなど、多くの問題を抱えていることを指摘。
148	Lê Phương Liên	Ngày em tới trường	学校に行く日	ハノイ	NXB Kim Đồng	2002		作者の自伝的小説。学校での生活や日常生活を通して、高い理想や全体の利益のために奮闘する人びとを描く。
149	Ngô Viết Dinh	Mầm bé	小さなつぼみ	ハノイ	NXB Kim Đồng	1974		詩
150	Ngô Viết Dinh	Tuyển thơ thiếu nhi	子ども詩選		NXB Thanh niên	2000		詩
151	Trần Mạnh Hảo	Trường Sơn của bé	子どものチュオンソン山脈	ホーチミン	NXB Giai Phong	1974		詩
152	Trần Mạnh Hảo	Hoa vừa đi vừa nở	歩きながら咲く花	ハノイ	NXB Kim Đồng	1981		詩
153	Trần Mạnh Hảo	Tiếng chim gõ cửa	小鳥がドアを叩く音	ホーチミン	NXB Giải Phóng	1976		詩

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
154/A	Xuân Quỳnh	Bao giờ con lớn	この子が大きくなったら	ハノイ	NXB Kim Đồng	1975	ベトナム国家賞受賞者	
155	Xuân Quỳnh	Chú gấu trong vòng đu quay	回転遊具に乗るクマ	ハノイ	NXB Kim Đồng	1978		詩
156	Xuân Quỳnh	Mùa xuân trên cánh đồng	野の春	ハノイ	NXB Kim Đồng	1981		
157	Xuân Quỳnh	Bến tàu trong thành phố	街のバス停	ハノイ	NXB Kim Đồng	1984		日々の何気ないエピソードを描いたものだが、生き生きとして飾り気のないディテールに、読む者は心を動かされる。
158/A	Bùi Minh Quốc	Hồi đó ở Sa Kì	あの頃、サキーで	ハノイ	NXB Kim Đồng	1980		ベトナム戦争の激戦地であった中部に生まれ育った子どもたちの勇敢かつ犠牲的な物語。
159/A	Phong Thu	Bò nông có hiếu	親孝行な背負い籠	ハノイ	NXB Kim Đồng	1994		動物もの
160	Phong Thu	Xe lu và xe ca	ロードローラーとバス	ハノイ	NXB Kim Đồng	1992		動物もの
161	Phong Thu	Cây bàng không rụng lá	落葉しないバンの木	ハノイ	NXB Kim Đồng	2000		動物もの
162	Nguyễn Quỳnh	Chuyện làng tôi	私の村の話	ハノイ	NXB Kim Đồng	1985		ベトナム戦争中は解放区と敵の占領区との間に位置していた作者の故郷の村。戦後、そこを舞台に展開する村の再建と人々の紆余曲折に満ちた再会の物語。
163	Nguyễn Quỳnh	Rừng đêm	夜の森	ハノイ	NXB Kim Đồng	1985		ベトナム中部に広がるジャングルの勇壮で神秘的な美しさを描く。そこに住む人々の勇気と知恵、他者を愛する精神、森と深く結びついた生活を知ることができる。
164	Lê Minh	Khúc hát vườn trầu	ビンロウ園の歌	ハノイ	NXB Kim Đồng	1982		1986,1996,2000年に再版。ホーチミンによって最初に革命家として育成された女性、グエン・ティ・ミン・カイを主人公とする歴史物語。
165	Sơn Tùng	Trần Phú	チャン・フー		NXB Thanh niên	1980		2004年に第3版刊行。ベトナム共産党初代書記長チャン・フーの物語。
166	Vũ Quảng Phương	Trăng của bé	子どもの月	ハノイ	NXB Kim Đồng	1983		
167	Lê Vân	Chuyến tuần thú cuối năm	年末の巡幸	ハノイ	NXB Kim Đồng	1987		
168	Lê Vân	Quan tả phụ ngâm hột thị	柿の種をしゃぶる役人	ハノイ	NXB Kim Đồng	1994		
169	Lê Vân	Tay không vào hang cọp	徒手空拳、虎穴に入る	ハノイ	NXB Kim Đồng	1995		
170	Lê Vân	Nhà vua và bậc cao sĩ	王と高官	ハノイ	NXB Kim Đồng	1999		
171	Vương Trọng	Voi và hổ	象と虎		NXB Mang Non	1984		動物もの
172	Vương Trọng	Mèo đi câu	釣りに行く猫		NXB Dong Nai	1996		詩
173/A	Dương Thu Hương	Hành trình ngày thơ ấu	幼い日の旅立ち	ハノイ	NXB Kim Đồng	1985		活発で率直な物言いをする少女。そうした性格が担任教師にうとまれ、彼女は放校処分となる。母親にも理解してもらえず、山岳地帯に単身赴任している父親を探して家出。その途上で心やさしい人々と出会い、彼らの助けで復学する。
174	Đặng Hân	Cầu Chữ Y	Y字型の橋		NXB Kim Đồng	1986		詩
175	Nguyễn Nhật Ánh	Bàn có năm chỗ ngồi	五つの腰掛けがある机	ハノイ	NXB Kim Đồng	1987		子どもたちの学校生活を描いた小説。遊びや学習などにかかわるエピソードが生き生きと綴られている。
176	Nguyễn Nhật Ánh	Quán Gò đi lên	進め、ゴー食堂	ハノイ	NXB Kim Đồng	2000		ベトナム中部の田舎から都会に出てきた子どもたちが生活のために開いた食堂をめぐる奮闘記。
177	Nguyễn Nhật Ánh	Chuyện xứ Lang Biang	ランビアン村の話	ハノイ	NXB Kim Đồng	2004,05		全4巻。ベトナム中部の未開の地ランビアン村に繰り上げられる神秘の物語。

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
178	Nguyễn Nhật Ánh	Nữ sinh	女学生	ホーチミン	NXB Trẻ	1989		
179	Nguyễn Nhật Ánh	Thiên thần nhỏ của tôi	私の小さな天使		NXB Thuận Hóa	1990		豪壮な家に引っ越してきた少年と、その家にかつて住んでいた複雑な過去をもつ少女との出会いと友情。
180	Nguyễn Nhật Ánh	Phòng trọ ba người	三人の下宿部屋	ホーチミン	NXB Trẻ	1990		同じ部屋に下宿する三人の貧乏大学生の恋と友情。
181	Nguyễn Nhật Ánh	Mắt biếc	つぶらな瞳	カマウ	NXB Mũi Cà Mau	1990		可憐でつぶらな瞳をもつ幼馴染の少女、ハー・ランに主人公が捧げる永遠の愛の賛歌。
182	Nguyễn Nhật Ánh	Thằng Quỷ nhỏ	鬼っ子	ホーチミン	NXB Trẻ	1990		
183	Nguyễn Nhật Ánh	Hoa hồng xứ khác	他国のバラ	ホーチミン	NXB Trẻ	1991		
184	Nguyễn Nhật Ánh	Hạ đỏ	赤い夏	ホーチミン	NXB Trẻ	1993		幼馴染の少年・少女の淡い恋物語。
185	Nguyễn Nhật Ánh	Bong bóng lên trời	空に昇る風船	ホーチミン	NXB Trẻ	1992		
186	Nguyễn Nhật Ánh	Bồ câu không đưa thư	手紙を運ばない鳩	ホーチミン	NXB Trẻ	1993		
187	Nguyễn Nhật Ánh	Trại hoa vàng	黄色い花の農園	ホーチミン	NXB Trẻ	1994		
188	Nguyễn Nhật Ánh	Buổi chiều windows	ウィンドウズの午後	ホーチミン	NXB Trẻ	1995		
189	Nguyễn Nhật Ánh	Đi qua hoa cúc	菊の花を超えて	ホーチミン	NXB Trẻ	1995		以上、グエン・ニャット・アインの作品は、子どもたちの生活や心情が巧みに描かれた彼の代表作。
190/A	Ma Văn Kháng	Côi cút giữa cảnh đời	寄る辺なき子ども	ハノイ	NXB Văn học	1989		精神的にも物質的にも恵まれない環境にある少年と、心優しい祖母の物語。
191/A	Ma Văn Kháng	Chó Bi-đời lưu lạc	漂泊の犬ビー	ハノイ	NXB Hà Nội	1994		飼い主の老婆と、彼女にしつけを受けた飼い犬との心の交流を描く。
192/A	Quách Liều	Chú bé thổi khèn	竹笛を吹く少年	ハノイ	NXB Kim Đồng	1991		抗仏期、敵に親を殺された少数民族モン族の少年。巧みな竹笛の使い手である少年を通して、少数民族の闘いを描く。
193	Quách Liều	Cây nọ ước	約束のノイの木	ハノイ	NXB Kim Đồng	1995		
194	Trần ĐứcTiến	Ốc mượn hồn	魂を借りた蝸牛	ハノイ	NXB Kim Đồng	1992		動物もの
195	Trần ĐứcTiến	Thằng Cúp	バイク野郎	ハノイ	NXB Kim Đồng	2001		
196	Đào Hữu Phương	Thành hoàng quê ngoại	母の故郷の守護神	ハノイ	NXB Kim Đồng	1994		
197	Đào Hữu Phương	Truyện thuyết trong mây	雲の中の伝説	ハノイ	NXB Kim Đồng	1996		チュー川周辺の村の貧しい生活を通して、人々の助け合いの精神や信頼関係を描く。
198	Vũ Bảo	Tiếng Vọng tuổi thơ	幼い日のこだま	ハノイ	NXB Kim Đồng	2002		作者の自伝的小説。村が飢饉に見舞われて生まれ故郷を去り、ジャーナリストとなって、抗米戦に参加していくまでを描く。
199	Nguyễn Kiên	Chú đất nung	土で焼いた人形	ハノイ	NXB Kim Đồng	1996 (98,02 再版)		
200	Trương Hữu Lợi	Bài hát con kiến	ありんこの歌	ドンナイ省	NXB Đồng Nai	1998		詩
201	Trương Hữu Lợi	Ngựa hồng ngựa tía	桃色の馬 紫の馬	ハノイ	NXB Kim Đồng	1997		詩
202	Phạm Đình Ân	Tắc kè hoa	花模様のトカゲ	ハノイ	NXB Giao Duc	1998		詩
昔話								

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
203/A		Tám cảm	タムとカム		NXB Kim Đồng			ベトナムのシンデレラ。主人公のタムが王子と結婚した後も、継母と腹違いの妹カムから幸せを妬まれた彼女は、幾度もの危機を乗り越え、二人に復讐をとげる。
204/A		Thạch Sanh	タック・サイン		NXB Kim Đồng			貧しいみなし子、タック・サイン(Thach Sanh)が、神様からもらった不思議な楽器で、笑わなくなった王の娘を笑わせ、王女と結婚して幸せになる。
205/A		Cây khế (またはĂn khế trả vàng)	スターフルーツの木		NXB Giao Duc			ベトナムの舌切り雀。貧乏だが正直者の弟と、金持ちで欲の深い兄が、弟の家の庭のスターフルーツの木にやってきた鳥に乗って宝の島に行く。
206/A		Sự tích trầu cau	ベツテルの起源		NXB Kim Đồng			双子の兄弟の兄が嫁をもらう。兄弟は瓜二つだったので、嫁は夫と間違えて帰宅した弟に抱きつく。それを見た兄は悲しみにくれて家を出ていき、ピンロウの木に姿を変える。嫁と弟もその後を追い、嫁はピンロウに巻きつくキンマの枝となり、弟はキンマの葉に塗る石灰岩に変身する。
207/A		Sự tích bình vôi	土瓶の起源					高慢な尼僧が解脱するために聖地に向かう途中、信心深い親子と出会う。親子が自分より信仰心が厚いことに腹を立てた尼僧は、親子をだまして命を奪おうとする。しかしそれを見ていた仏が親子の命を助けたので、尼僧もそれと同じ行為をして頭を割って死んでしまう。タイトルが「土瓶」なのは、内面は黒く汚れているのに、表向きは慈悲の心をもっているような人間のたとえ。
208/A		Sọ Dừa	ヤシの殻		NXB Kim Đồng			子どものない年老いた貧しい夫婦。ある日、妻が死体の頭蓋骨にたまった水を飲んで子どもを身ごもり、球体の肉塊を産む。ソズア(ヤシの殻)と名付けられたその子は、雇い主からつきつけられた難題をこなして、土地と雇い主の娘を手に入れる。
209/A		Cây tre trăm đốt	百節の竹		NXB Kim Đồng			金持ちの家の下男として働く若い男。彼は主人の娘に恋し、結婚したいと申し出ると、主人は山へ行って百節ある竹を取ってくれば、娘をやるという。男は神様の助けを得て、自在に伸び縮みする百節の竹を手に入れ、意地悪な主人をこらしめて娘と結婚する。
210/A		Sự tích bánh chưng và bánh giầy	バインチュン、バインザイの起源		NXB Kim Đồng			ベトナムの正月の食べ物、バイン・チュンとバイン・ザイの起源
211/A		Sự tích hồ Gươm	還剣湖の起源					ハノイの中心部に位置する湖、還剣湖の名前の由来の物語
212/A		Trâu vàng Hồ Tây	タイ湖の金の水牛					13世紀、ベトナムが中国の侵略に悩まされていた時代、不思議な術を使う尼僧が宋の国の皇帝に小袋いっぱい貴金属を恵んでくれるよう頼む。倉の中で僧は術を使って大量の黒銅を小袋に詰め込み、国に持ち帰って鐘を鑄造する。しかしその鐘の音がすばらしく、倉の番人の金の水牛がベトナムに向かって走り出したので、この鐘を鳴らすと中国中の貴金属がベトナムめがけて走り出し、侵略の口実になることを懸念した僧は、タイ湖に鐘を沈める。
213/A		Sự tích hồ Ba Bể	バーペー湖の起源		NXB Kim Đồng			祭りの日に突如現れた女乞食。人々は彼女を嫌って遠ざけるが、人里離れた家に住む親子だけは食事を与え、洪水が村を襲って村人たちが溺れ死んだ時、親子だけは助かる。現在のバーペー湖はかつて水が噴き出して洪水となった場所。
214/A		Truyện trăm trứng (またはÂu Cơ-Lạc Long Quan)	百個の卵		NXB Kim Đồng			ベトナムの創生む話。水の精であるラック・ロン・クアンと山の精の娘オウコが結婚して百個の卵を生む。卵から生まれた百人の息子は50人ずつ山と水の世界に分かれて住み、その息子たちの中からベトナム史上はじめての王、雄王が誕生した。
215/A		Thanh Gíong	聖ゾン		NXB Văn hoa thông tin、			中国・殷の侵略と戦った勇者、聖ゾンの物語
216/A		An Dương Vương	安陽王					

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
217/A		Sự tích cây Nêu ngày Tết	テトの竹竿(門松のようなもの)の起源		NXB Tổng hợp Đồng Nai			鬼と人間の知恵くらべ。昔、鬼が人間界を支配していて、勝手な決まりを作っては人間を苦しめていた。鬼が作物の葉先を自分のものにし、人間には根っこしか与えないという決まりを作ると、人間は仏の助言をいれて芋を植える。鬼が怒ってその逆の決まりを作ると、今度は稲を植えて対抗する。ついに怒りを爆発させた鬼は地上のすべてをわがものにして人間に攻撃をしかける。勝利を収めた人間は鬼を海に追放し、一年に数日だけ、祖先の供養にもどってくることを許すが、人間の住む場所に近づかないように、テトに魔除けの竹竿を立てるようになった。
218/A		Sự tích ông Ba Mươi	バームオイ翁の起源		NXB Mỹ Thuật, NXB Giáo dục			昔、虎は天界の暴れ者だった。そこで玉皇は仏をつかわして虎を捕まえさせ、もともと体に付いていた翼を奪って下界に落とした。虎は天界に戻るができなくなり、力は弱くなったものの、相変わらず下界の王者として君臨。「バームオイ翁(数字の30の意)」と呼ばれるようになった。その理由は、狩人が虎を捕まえたら、人間界の王が30貫の金を与えるという法律を作ったため。
219/A		Sự tích động Từ Thức	トゥー・トゥック洞窟の起源					ベトナムの浦島太郎。トゥー・トゥックが仙女の世界に入っていく際の入口となった洞窟の名前の由来。
220/A		Sự tích hòn Vọng Phu	望夫岩の起源					幼い頃に別れ別れになった実の妹と、知らずに結婚してしまった男。その事実を知った時、彼は再び妹のもとを去る。夫の失踪の理由を知らない妹は、子どもとともに夫の帰りを待ち続けて岩になってしまう。
221/A		Sự tích Ngũ hành Sơn	五行山の起源		NXB Kim Đồng			
222/A		Sự tích sông Tô Lịch	トリック川の起源					王の眼病を直すため、人身御供のとなった油売りの夫婦。王の病気は治ったものの、二人の怨霊は李王朝を滅ぼし、トリック川の川幅を溝川のように狭くしてしまう。
223/A		Mẫu thượng ngàn	聖母トゥオン・ガン					
224/A		Chú Cuội trong trăng	月に昇ったクオイ		NXB Kim Đồng (タイトルは Sự tích chú Cuội), NXB Giáo dục			死者に飲ませると生き返る不思議な薬草を手に入れたクオイ。しかしその木に水をやる時は清潔な水しか与えてはいけない。ある日、妻が汚い水をかけたため、木は地上を離れて天に昇っていきこうとし、それを食い止めようとしたクオイも一緒に天に昇っていってしまう。そのため今月には木の下にすわるクオイの影が映っている。
225/A		Quả dưa đỏ	すいか					失言から無人島に島流しになったマイ・アン・ティエム。ある日、鳥が運んできた種を植えると大量のスイカが実り、近くを通る船との交易で莫大な利益をあげ、都に呼び戻される。
226/A		Quả bầu tiên	不思議なひょうたん					貧しい青年が意地悪な雇い主の助言で山の荒地を開墾して畑を作る。土地はならしたが、稲もみがないので雇い主に借りに行くが、貸してもらえないので、ひょうたんを植える。翌日にはひょうたんが大量に実り、その実を割ってみると、中から米が出てくる。そのおかげで青年は裕福になり、親孝行をする。意地悪な雇い主が青年からもらったひょうたんを割ると、中から砂が出てくる。
227/A		Sự tích con dả tràng	ザリガニの起源		NXB Kim Đồng			ザリガニという名の老人。蛇とガチョウの命を助けたことから不思議な術を使える玉をもらい、その威力を試そうと水の世界に入り、龍王と出会う。龍王はその玉を手に入れるため、彼の妻に玉を盗ませる。老人は水の世界へもどって玉を取り返そうと、今でも海辺で砂を運んでいる。
228/A		Ai mua hành tỏi	玉ねぎはいらんかね		NXB Kim Đồng			

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
229/A		Nợ như chúa Chôm	チョーム王子の借金		NXB Kim Đồng			黎朝皇帝の落胤が、王位を篡奪した莫朝を滅ぼし、王位に復するまでの逸話。貧乏暮らしをしていた王子はいろいろなところに借金があり、王位についたとたん、借金の返済を求めて大勢の人が詰めかけたので、家来は小銭をばらまき、それを債務返済の代わりとして、以後取り立てを禁じた。
230/A		Truyện Trạng Quỳnh	チャンクイン伝		NXB Giao dục, NXB Thế Giới			いたずらで人をだますのが好きなチャンクインの小話。
231/A		Con cóc là cậu ông trời	カエルは天の使い		NXB Kim Đồng			カエルはもともと勇敢な動物で、下界で旱害が起こった時、他の動物仲間を誘って玉皇に雨を降らせてくれるよう直訴する。玉皇はカエルの行為を怒り、雷神に退治させようとするが、雷神はカエルたちに敗北する。最後に玉皇はカエルたちの願いを聞き入れ、今後雨を降らす必要がある時には直訴などせずに大きな声で鳴くよう命じる。カエルが神の使いとは、そのような話が起源となっている。
232/A		Sự tích chim đa đa	ダーダー鳥の起源					継父は妻の連れ子の少年を憎み、森に連れて行っておきざりにする。少年は半狂乱になって森を出ようとするが、帰ることができず死んでしまい、ダーダー鳥に姿をかえる。妻に促されて少年を探しにいった継父は、ダーダー鳥の鳴き声に足を踏みあやまって死ぬ。
233/A		Chuyện con công và con quạ	クジャクとカラス					クジャクとカラスはもともとよく似た灰色の羽根をもつ醜い鳥だった。ある時、カラスの仲間が来て、人間のペンキ屋がいろいろな色のペンキを持っているので、それを盗んできて体に塗ってきれいになると誘う。器用なカラスはクジャクに上手にペンキを塗ってやったが、不器用なクジャクはカラスの頭から乱暴にペンキをかけることしかできなかった。現在、クジャクが色とりどりの羽根をもち、カラスの羽根が真っ黒なのは、そのような理由による。
234/A		Con chuột và con mèo	ネズミと猫					天の蔵が盗難にあい、玉皇はネズミ神に警備を命じる。しかしそれをいいことにネズミ神は天の財産をくすねるようになったので、下界に追放される。下界でネズミとなった神は人間界にも被害を及ぼしたので、玉皇は猫神を派遣して退治させる。
235/A		Ngưu Lang Chức Nữ	牽牛織女		NXB Mỹ thuật, NXB Giáo Dục			牽牛、織女の物語。森の奥の井戸端で水浴中の天女から羽衣を盗み、天女を妻にした男。しかし妻は夫の留守中に羽衣を見つけ出し、天に帰ってしまう。後を追った父子は妻と再会するが、下界に戻る途中、海に落下。かわいそうに思った玉皇は一年に一度だけ夫婦が会うことを許す。
236/A		Sơn Tinh-Thủy Tinh	山の精、水の精		NXB Kim Đồng			ベトナムの創世神話。王の娘を手に入れるため戦うと山の精と水の精の物語。
237/A		Cường Bạo đánh thiên Lôi	クオン・バオ、雷神を撃つ					今日、人々が雷が鳴ると鶏の鳴き声をまね、太鼓を叩くのは、昔クオン・バオという怖いもの知らずの男が雷神を退治した時のエピソードに由来があるという物語。
238/A		Sự tích hoa mai vàng	黄色の梅の起源					勇敢な少女が父親とともに怪物退治に行く。母親に作ってもらった大好きな黄色の服を着て現場に向かうが、激しい戦いの末、少女は死ぬ。かつて彼女をかわいがっていた窯の神は、一年のうち9日間だけ彼女を生き返らせてくれる。その際、少女は出かけた時と黄色い服を着て、家族のもとに帰る。テト(旧正月)に黄色い梅の花が咲くのは、黄色い服を着た彼女が家族のもとに帰るからである。
239/A		Sự tích hoa hướng dương	ひまわりの起源					
240/A		Sự tích hoa quỳnh và hoa mẫu đơn	クインの花と牡丹の起源					
241/A		Sự tích hoa phượng	火炎樹の起源					

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
242/A		Người đẹp trong tranh	絵の中の美女					美人絵を手に入れた貧しい勉学青年。その絵を家に飾っておくと、中から美女が出てきて彼のために食事を用意する。ある日、もの影に隠れてそれを見ていた彼は、美女が絵から出てきた際に絵を破り捨て、彼女を妻にする。幸せの絶頂にいる彼は、美しい妻を手に入れて以来、勉強に熱が入らなくなり、酒に溺れるようになる。それに失望した妻は天上界に去る。
ベトナム語に訳された日本の作品								
243	黒柳徹子	Tôt-Tô-chan, Cô bé bên cửa sổ	窓際のトットちゃん					
244	無住	Góp Nhặt Cát Đá (Thạch Sa Tập)	沙石集					
実録物								
245	Tô Hoài	Kim Đồng	キムドン					少数民族の英雄ノン・ヴァン・ゼンの物語
246	Tô Hoài	Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ	ホアン・ヴァン・トゥの若き日					
247	Xuân Sách	Phạm Nhọc Đa	ファム・ゴック・ダ					
248	Lê Văn	Dương Văn Nội	ズオン・ヴァン・ノイ					前出
249/A	Nhuễn Ngọc Kí	Những năm tháng không quên	忘れられない日々					作者の自伝。両手が不自由な作者が手の代わりに足を使って勉学に励み、大学を卒業して立派な人間になるまでを描く。
250	Đoàn Giỏi	Người thợ máy Tôn Đức Thắng						前出
251	Sơn Tùng	Búp sen xanh	青い睡蓮					前出
252	Hoài Việt	Nguyễn Trãi-Tài và đức	グエン・チャイ-その才能と人徳					
253	Bút Ngữ	Cụ bảg Đôn	バーン・ドン老人					
254	Hoàng Công Khanh	Hoàng hậu hai triều Dương Văn Nga	ズオン・ヴァン・ガー皇后					
255	Nguyễn Đức Hiền	Sao Khuê lấp lánh	またたく奎星					グエン・チャイの物語
256	Nguyễn Huy Tường	An Tư công chúa	アン・トゥー皇女					
257	Hoài Anh	Ý Lan phu nhân	イーラン夫人					
258	Nghiêm Đa Văn	Chuyện kể về Nguyễn Đức Cảnh	グエン・ドゥック・カイン物語					
259	Phan Kế Bình	Lê Văn Phúc : Truyện Hưng Đạo Vương	レ・ヴァン・フック:フン・ダオ王伝					
260	Ngô Văn Phú	Cờ lau dựng nước	建国の旗					
261	Lê Minh Quốc	Tướng quân Hoàng Hoa Thám	ホアン・ホア・タム将軍					
262	Hoài Việt	Chu Văn An- Khuôn mặt người thầy	チュー・ヴァン・アン-師の素顔					
263	Nguyễn Thụy Kha	Văn Cao-Người đi dọc biển	ヴァン・カオ-海辺を行く人					
研究書								

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
264	Vân Thanh	Truyện viết cho thiếu nhi dưới chế độ mới	新制度下の児童文学			1982		
265	Vân Thanh	Phác thảo văn học thiếu nhi Việt Nam	ベトナム児童文学スケッチ					著者の主な研究業績を集めたもの。
266/A	Vân Thanh	Tác giả văn học thiếu nhi Việt Nam	ベトナム児童文学の作者たち			2006		
267	Vũ Ngọc Bình	Đôi điều tâm đắc	納得できた二、三のこと					著者の主な研究業績を集めたもの。
268/A	Văn Hồng	Từ mục đồng đến Kim Đồng	牧童からキムドンまで					著者の研究業績を集めたもの。
269/A	Lã Thị Bắc Lý	Truyện viết cho thiếu nhi sau năm 1975	1975年以降の児童文学	ハノイ	NXB Đại học Quốc gia	2000		1975年ベトナム戦争後の児童文学の流れと、主要な作品を紹介。
270	Lã Thị Bắc Lý	Giáo trình Văn học trẻ em	子ども文学テキスト	ハノイ	NXB Đại học sư phạm	2002		著者が勤務するハノイ師範大学の教科書として編纂。
271	Lã Thị Bắc Lý	Văn học thiếu nhi Việt Nam từ thời kì đổi mới	ドイモイ以降のベトナム児童文学			2006		
272	Lã Thị Bắc Lý	Những truyện hay dành cho trẻ mầm non	子どものおもしろい物語			2006		幼児向けの文学作品選集
273	Lã Thị Bắc Lý	Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	幼児期の子どものための文学			2008		
274/A	Vân Thanh編	Văn học thiếu nhi Việt Nam-2tập	ベトナム児童文学 全2巻		NXB Kim đồng	2002		児童文学に関する1960年代から90年代までの論文をVân Thanhが一冊にまとめたもの。
文字の本								
275		Tiếng Việt Trình độ A tập 1 (Viện Việt Nam và khoa học phát triển-Đại học Quốc gia Hà Nội)	ハノイ国家大学付属ベトナム科学発展研究所編『ベトナム語レベルA 第1巻		NXB Thế giới /	2009		外国人が短期間でベトナム語を学ぶための入門書。大人向けの本だが、海外で暮らすベトナム人子弟のベトナム語教本としても使える。CD付き。
276		Tiếng Việt Trình độ A tập 2 (Viện Việt Nam và khoa học phát triển-Đại học Quốc gia Hà Nội)	同第2巻		NXB Thế giới /	2009		同上
277		Tiếng Việt (Vietnamese for beginners)	ベトナム語(ビギナー)のためのベトナム語)		NXB Văn hóa Sài Gòn /	2009		上掲書よりコンパクトな構成で、外国人がベトナム語を学びやすい工夫がなされている。海外で暮らすベトナム人子弟のベトナム語教本としても使える。CD付き。
278		Tập tô - Tập ghép vần T1	ベトナム語の書き方、子音・母音の組み合わせ方 第1巻		NXB Mỹ thuật /	2009		5-6歳の子ども向けの文字の学習本。ぬりえ付き。
279		Tập tô - Tập ghép vần T2	同第2巻		NXB Mỹ thuật /	2009		同上
280		Bé học chữ số	子どもが学ぶ数字		NXB Mỹ thuật /	2009		はじめて数字を学ぶ子どもが短期間で10までの数に慣れるのに適している。
281		Bé học chữ cái T1	子どもが学ぶ文字 第1巻		NXB Mỹ thuật /	2009		はじめて文字を学ぶ子どもがわかりやすく学習できる本。
282		Bé học chữ cái T2	同第2巻		NXB Mỹ thuật /	2009		同上
283		Bé học ghép vần T1	子どもが学ぶ子音と母音 第1巻		NXB Mỹ thuật /	2009		子音と母音を組み合わせて単語を作る方法をわかりやすく解説した本
284		Bé học ghép vần T2	同第2巻		NXB Mỹ thuật /	2009		同上
285		Bồi dưỡng Tiếng Việt 1 Tập 1	ベトナム語の学習1 第1巻		NXB Sư phạm /	2009		子どもがベトナム語を効果的かつ短期間で学ぶことをサポートする本
286		Bồi dưỡng Tiếng Việt 1 Tập 2	同第2巻		NXB Sư phạm /	2009		同上
数の本								
287		Poster: Bé với số đếm	子どもと数字(ポスター形式)		NXB Kim Đồng	2009		子どもが日々、数字に親しみをもって学べるよう、壁に貼って楽しむポスター形式。

No. / ランク	著者	タイトル	邦訳	出版地	出版社	出版年	選書理由	内容・あらすじ
288		Số đếm	数字		NXB Kim Đồng	2009		子どもの数字学習をわかりやすく効果的にサポートする本。
289		Bé và con số	子どもと数字		NXB Kim Đồng	2009		子どもの数字学習を単純な形式で効果的にサポートする本。
290		Bé học Toán Cộng trừ trong phạm vi 10	子どもの算数 10までの数の足し算、引き算		NXB Sư phạm	2009		子どもが算数に興味をもてるよう、美しい図形やイラストを用いて解説
291		Bé học Toán Cộng trừ trong phạm vi 100	子供の算数 100までの数の足し算、引き算		NXB Mỹ thuật	2009		子どもが算数に興味をもてるよう、美しい図形やイラストを用いて解説
292		Tập tô-Tập viết-Tập đếm	塗る-文字を書く-数を数える練習帳		NXB Mỹ thuật	2009		ぬりえを楽しみながら、文字を書く、数を数える練習を効果的に行える練習帳。